

THÁO GỠ DÂY HÔN PHỐI KHÔNG BÍ TÍCH NHỜ ĐẶC ÂN ĐỨC TIN THEO HUẤN THỊ *POTESTAS ECCLESIAE* (2001) CỦA BỘ GIÁO LÝ ĐỨC TIN

Lm. Barnaba Trần Đình Phục

Mở đầu

Tháo gỡ dây hôn phối là công việc hoặc nhờ chiếu theo luật hoặc nại đến thẩm quyền tối cao của Tòa Thánh miễn chuẩn hay tháo gỡ dây hôn phối trước. Cần thiết để chúng ta ôn lại nguyên tắc bất khả phân ly của hôn nhân thành nhận và hoàn hợp (*ratum et consummatum*). Thật vậy, Bộ Giáo Luật 1983 (BGL/83), đ.1141 viết: **«Hôn nhân thành nhận và hoàn hợp không thể được tháo gỡ do bất cứ quyền bính nhân loại nào và vì bất cứ lý do nào, trừ lý do tử vong»**.

Quả thật, nhờ bí tích Rửa tội, hôn nhân thành nhận và hoàn hợp giữa hai người Rửa tội thủ đắc một trạng thái bền vững không thể tháo gỡ được. Bởi thế, hôn nhân này bất khả phân ly và bền vững. Tuy nhiên, tất cả những hôn nhân khác không phải giữa hai người Rửa tội, nghĩa là không phải Bí tích¹ có thể được tháo gỡ nhờ đặc ân đức tin. Việc tháo gỡ này có thể được thực hiện theo nguyên tắc của đặc ân thánh Phaolô hoặc tháo gỡ nhờ năng quyền của Giáo Hội, gọi là năng quyền tối cao, hay đặc ân thánh Phêrô².

Mặt khác, BGL/83 chỉ dùng thuật ngữ đặc ân thánh Phaolô³ hoặc đặc ân thánh Phaolô nhờ đức tin⁴. ***Thuật ngữ đặc ân Phêrô không được sử dụng trong Bộ Giáo Luật hiện hành***, và thuật ngữ «đặc ân đức tin» được gọi lại để nói rằng trong trường hợp nghi ngờ, đặc ân đức tin được luật ưu đãi⁵. Tuy nhiên, những thuật ngữ này vẫn được tiếp tục dùng trong thể văn Giáo luật mà không phải khi nào cũng chính xác, rõ ràng, và còn tùy cách dùng này liên quan đến cách dùng khác. Đặc ân thánh Phaolô và đặc ân thánh Phêrô đều được gọi là đặc ân đức tin. Trước hết, chúng ta lướt qua đặc ân thánh Phaolô, trước khi đi vào chi tiết huấn thị *Potestas Ecclesiae*.

I. Đặc ân thánh Phaolô (đ.1143-1147)

1. Nền tảng đặc ân thánh Phaolô

Đặc ân thánh Phaolô là tên gọi một phương thế tháo gỡ hôn phối của Giáo Hội. Đặc ân này liên quan duy nhất hoặc chỉ dành riêng cho những hôn nhân giữa hai người không được Rửa Tội và được đặt nền tảng trên ý tưởng của thánh Phaolô trong thư thứ nhất của Ngài gửi cho tín hữu Côrinthô: «Còn

¹ Hôn nhân giữa hai người không được Rửa tội hoặc giữa một bên Rửa tội và một bên không Rửa tội.

² Năng quyền của Giáo Hội về việc tháo gỡ những dây hôn phối theo nghĩa rộng là đặc ân của thánh Phêrô. Thuật ngữ «đặc ân thánh Phêrô» không được sử dụng trong những tài liệu chính thức của Giáo Hội.

³ Cf. BGL/83, đ.1147.

⁴ Cf. BGL/83, đ.1143 §1.

⁵ Cf. BGL/83, đ.1150.

những người khác, thì tôi nói, chính tôi chứ không phải Chúa: nếu anh em nào có vợ ngoại đạo mà người này bằng lòng ở với người ấy, thì người ấy đừng rẫy vợ. Người vợ nào có chồng ngoại đạo mà người này bằng lòng ở với người ấy, thì người ấy đừng bỏ chồng. Thật vậy, chồng ngoại đạo được thánh hóa nhờ người vợ, và vợ ngoại đạo được thánh hóa nhờ người chồng có đạo. Chẳng vậy, con cái anh em sẽ là ô uế trong khi thật ra chúng là thánh. Nếu người ngoại đạo muốn bỏ người kia, thì cứ bỏ; trong trường hợp đó, chồng hay vợ có đạo không bị luật hôn nhân ràng buộc: Thiên Chúa đã kêu gọi anh em sống bình an với nhau !» (1Cr 7, 12-15).

Quy định của điều luật 1143 trong BGL/83 liên quan đến đặc ân thánh Phaolô như sau: **«Hôn nhân giữa hai người không phụ phép Rửa tội được tháo gỡ nhờ đặc ân thánh Phaolô vì lợi ích đức tin của người đã được Rửa tội do chính sự kiện người ấy tái hôn, miễn là người không được Rửa tội chia tay người ấy»⁶.**

Tóm lại, những người đã kết hôn thành sự và hoàn hợp trong đạo Công giáo thì không có ly dị và tái hôn. Tuy nhiên, đối với người lương, một trong hai phối ngẫu trở lại đạo Công giáo, hôn phối của họ vẫn hợp pháp. Nếu như hôn nhân của người này không thể tiếp tục kéo dài, hoặc đức tin bị đe dọa, hoặc bị người tình cắt đứt, chia tay, thì người này có thể tái hôn. Điều này nói lên rằng người mới lãnh nhận phép Rửa tội có thể tái hôn để tiếp tục sống đức tin của mình. Chúng ta thấy rõ quy định này của Giáo Hội dựa trên nền tảng bảo vệ đức tin cho người mới tin Chúa và chịu phép Rửa tội.

2. Điều kiện

Đặc ân thánh Phaolô chỉ áp dụng cho hai người không lãnh Bí tích Rửa tội, sau đó, một người và chỉ một trong hai người này được Rửa tội. Những người được Rửa tội, sau đó ly giáo hay lạc giáo thì không được áp dụng đặc ân này⁷ và những đôi vợ chồng đã ký kết hôn nhân với phép chuẩn cũng không được hưởng đặc ân⁸.

Chỉ một người trong hai người đó nhận Bí tích Rửa tội, bởi vì nếu hai người cùng chịu Rửa tội, hôn nhân của họ trở thành hôn nhân Bí tích⁹ và sau khi hoàn hợp, tình trạng hôn nhân của họ bất khả phân ly. Cuối cùng, bên không chịu phép Rửa tội từ chối sống hòa bình mà không xúc phạm đến Đấng Tạo Hóa¹⁰ sau khi người kia chịu phép Rửa tội hoặc chính người này đã chia tay. Tất một lời, tháo gỡ phải đủ hai điều kiện: **1) Tân tòng phải được Rửa tội trước thời gian kết hôn lần thứ hai; 2) Người vợ hoặc chồng ngoại đạo là người chia tay, tự ý bỏ đi hoặc vì không thể chung sống hòa thuận được nên người đã Rửa tội bắt buộc phải ra đi.**

⁶ Cf. BGL/83, đ.1143.

⁷ Cf. Thư « *Quanto te magis* » d'Innocent III gửi các Giám Mục Hugues de Ferrare, 01/05/1199 et Décrétales de Grégoire IX, 1.4, tit. 19, c.7, DZ 768 – 769.

⁸ Cf. Trả lời của Tòa Thánh cho Đức Giám mục Cochinchine (Inde), 01/08/1759, q.4, DZ 2584, *De privilegio Paulino*; Instruction du Saint Office au vicaire apostolique du Siam, 04/07/1855, DZ 2817-2820, *De privilegio Paulino*.

⁹ Cf. BGL/83, đ.1055.

¹⁰ Cf. BGL/83, đ.1143 §2.

3. Áp dụng đặc ân và tháo gỡ hôn nhân trước

Hôn nhân hợp pháp được tháo gỡ bởi luật nhờ hôn nhân thứ hai của bên mới được Rửa tội khi bên kia không muốn chung sống với người đã được Rửa tội mà không xúc phạm đến Đấng Tạo Hóa. Tuy nhiên, Đấng Bản quyền địa phương phải can thiệp vào để xác định không thể sống chung hòa bình và không xúc phạm đến Đấng Tạo Hóa. Điều này sẽ được thực hiện bằng thủ tục chất vấn¹¹ theo Giáo luật.

Bên phía không chịu phép Rửa tội sẽ được thẩm vấn rằng liệu người này có muốn chịu phép Rửa tội hoặc liệu người này ít nhất muốn chung sống hòa bình với người chịu phép Rửa tội mà không xúc phạm đến Đấng Tạo Hóa. Sự thường, việc chất vấn này được thực hiện sau khi chịu phép Rửa tội do thẩm quyền của Đấng Bản Quyền địa phương hoặc trong trường hợp có thẩm quyền gần nơi ở của bên không chịu phép Rửa tội.

Có thể có những trường hợp ngoại lệ về nguyên tắc chất vấn. Theo đó, chất vấn có thể được thực hiện trước khi chịu phép Rửa tội vì một lý do nghiêm trọng nào đó. Điều 1145 §2 lưu ý rằng chính bên chịu phép Rửa tội có thể chất vấn. Đấng Bản Quyền có thể miễn chuẩn chất vấn trước hoặc sau khi chịu phép Rửa tội, khi mà thủ tục, ít nhất chất vấn có kết quả và tòa ngoài, chất vấn không thể thực hiện được hoặc có chất vấn cũng vô ích.

Khi thủ tục tới hồi kết thúc và người không trở lại không muốn chung sống hòa bình mà không nhạo báng Thượng Đế, thì bên phía chịu Bí tích Rửa tội có thể tái hôn với một người Công giáo hoặc với một người không chịu phép Rửa tội¹² hoặc một người chịu phép Rửa tội không Công giáo¹³, với phép chuẩn của Đấng Bản Quyền, tùy từng trường hợp. Hôn nhân thứ hai này của người chịu phép Rửa tội tháo gỡ hôn nhân thứ nhất của họ.

Tòa án Hôn phối Giáo phận có thể được Đấng Bản quyền ủy quyền để chất vấn. Tuy nhiên, Đấng Bản Quyền có thể kiểm chứng việc áp dụng những điều kiện của đặc ân này. Do đó, một khi đã hội đủ những điều kiện để hưởng đặc ân thánh Phaolô, Linh mục Quản xứ tiến hành chứng hôn. Mặt khác, nếu trường hợp có quy định xin phép hoặc miễn chuẩn thì cần đến Đấng Bản Quyền.

4. Xin miễn chuẩn thẩm vấn¹⁴

Miễn chuẩn thẩm vấn kết hôn theo đặc ân thánh Phaolô (BGL/83, đ.1144 §2).

¹¹ Cf. BGL/83, đ.1144.

¹² Người này sống chung sống hòa bình và không xúc phạm Thượng Đế.

¹³ Chính Thông, Tin Lành.

¹⁴ BGL/83, đ.1144 §2 quy định rằng trong trường hợp thấy quá khó khăn hay nếu thẩm vấn bên không chịu phép Rửa Tội cũng vô ích, thì phải làm đơn đề xin miễn chuẩn thẩm vấn để lãnh nhận đặc ân thánh Phaolô.

5. Mở rộng đặc ân thánh Phaolô

a. Một người lương có nhiều phối ngẫu

Điều 1148 §1 của BGL/83 viết rằng:

«Một người đàn ông chưa chịu phép Rửa tội đồng thời có nhiều vợ không chịu phép Rửa tội, sau khi đã lãnh nhận bí tích Rửa tội trong Giáo Hội Công giáo, nếu khó sống với người vợ cả, thì có thể giữ lại một trong số những người vợ ấy, sau khi đã bỏ những người vợ khác. Điều trên đây cũng có giá trị đối với những người phụ nữ chưa chịu phép Rửa tội đồng thời có nhiều chồng không chịu phép Rửa tội».

Quy định này có nguồn gốc trong Hiến chế “*Altitudo divini consilii*”¹⁵, 01/06/1537 của ĐGH Phaolô III và Hiến chế *Romani Pontificis*¹⁶, 02/08/1571 của ĐGH Piô V cho phép những người Ấn Độ có nhiều vợ, nay trở lại đạo, chọn cho mình một phụ nữ mà anh ta thích nếu anh ta không nhớ ai là người đầu tiên. Quyết định này của Tòa Thánh đã được chuẩn nhận theo lời đề nghị của các Linh mục truyền giáo Dòng Tên bên Ấn Độ.

BGL/17 đã phổ biến trên toàn thế giới những quy định này của Tòa Thánh, trước hết dành riêng cho những miền truyền giáo tại Ấn Độ. BGL/83 giữ lại quy định của BGL/17 và có một vài thay đổi, và đề ra các điều kiện và thủ tục áp dụng.

Thật vậy, liên quan đến thể thức Giáo luật, hai trường hợp được trình bày: nếu người đa phu (thê) giữ lại người vợ đầu tiên, sẽ không cần một cử hành khác ngoài cử hành hôn nhân hợp pháp đã làm trước khi chịu phép Rửa tội, và việc cử hành này được ghi lại và lưu vào hồ sơ Rửa tội. Trái lại, nếu người này chọn một bà khác bà thứ nhất, sẽ có một cử hành công khai theo thể thức Giáo luật¹⁷. Cũng không có chất vấn nào giống như trường hợp hưởng đặc ân đức tin đã nói ở trên. Chỉ còn một điều duy nhất là Đấng Bản Quyền phải phải liệu sao để đảm bảo nguyên tắc công bằng và bác ái Kitô giáo, đồng thời hợp tình hợp lý tự nhiên theo những nhu cầu của người vợ đầu tiên và những người vợ khác¹⁸.

b. Các phối ngẫu lương bị phân ly

Một lương dân, sau khi chịu phép Rửa tội trong Giáo Hội Công Giáo, vì lý do tù đày hay bách hại, không thể tái lập đời sống chung với người phối ngẫu không chịu phép Rửa tội, có thể tái hôn dù trong thời gian đó người phối ngẫu ấy đã lãnh nhận Bí tích Rửa tội, miễn là giữ những quy tắc của điều 1141¹⁹.

¹⁵ Sắc lệnh này dành cho các «Lãnh thổ Ấn Độ miền Tây».

¹⁶ «[...] chúng tôi tự động, chiếu theo sự hiểu biết chắc chắn và thẩm quyền Tông đồ viên mãn của chúng tôi, tuyên bố bằng văn kiện này rằng những người Ấn Độ đó, những kẻ, như già thiết đã và sẽ chịu phép Rửa, có thể ở lại với người vợ đã hay sẽ cùng họ chịu phép Rửa, như với người vợ hợp pháp của họ, sau khi họ đã bỏ những người vợ khác, và rằng có một hôn nhân hợp pháp giữa họ», DZ 1983, Lm. Nguyễn Văn Hòa chuyển ngữ, 2019.

¹⁷ Hình thức Giáo luật với phép chuẩn.

¹⁸ Cf. BGL/83, đ.1148 §3.

¹⁹ Cf. BGL/83, đ.1149.

Quy định này có từ Hiến chế *Populis ac nationibus*, ngày 25/01/1585 của ĐGH Grégoire XIII. Theo đó, Ngài cho phép những nô lệ tại Angola, Ethiopie và Brésil²⁰ kết hôn mà không cần chất vấn. Những người này không thể hồi hương, ở đó, những người vợ hợp pháp và với những người vợ này, họ không biết liệu đã chịu phép Rửa tội hay chưa²¹.

II. Đặc ân thánh Phêrô (Năng quyền của Giáo Hội tháo gỡ hôn nhân)

Ngoài trường hợp hưởng đặc ân thánh Phaolô như vừa trình bày, còn có những trường hợp khác được áp dụng cho việc tháo gỡ hôn nhân không Bí tích. Những trường hợp tháo gỡ này có nguồn gốc từ thế kỷ XVI qua những câu trả lời của Tòa Thánh dành cho những trường hợp cụ thể trong hành trình truyền giáo của Giáo Hội.

Thật vậy, trong khi rao giảng Tin Mừng, các nhà truyền giáo bị đặt trước những trường hợp hôn phối vốn không thể tháo gỡ theo đặc ân thánh Phaolô, ví dụ, người lương dân có nhiều vợ, sau đó theo đạo, không muốn giữ lại người vợ đầu tiên, hoặc một người nô lệ đã kết hôn, bị tách khỏi phối ngẫu, sau đó theo đạo, và người này muốn tái hôn. Hơn nữa, các nhà thần học và các nhà làm luật, một mặt, đã tranh luận về tính hợp pháp của quyền tài phán của Đức Thánh Cha về hôn phối của những người không Rửa tội, mặt khác, vẫn tôn trọng giáo thuyết về tính bất khả phân ly trong hôn nhân. Chúng ta lần lượt nghiên cứu những quyền tháo gỡ dây hôn phối trong những trường hợp này của Tòa Thánh, nhờ đặc ân đức tin.

1. Điều kiện

Tháo gỡ hôn nhân nhờ đặc ân thánh Phêrô liên quan đến hai trường hợp hôn nhân: **hôn nhân giữa hai bên không chịu phép Rửa tội²²** và **hôn nhân giữa một trong hai người chịu phép Rửa tội²³**. Những điều kiện để hưởng đặc ân thánh Phêrô là hoàn toàn không thể tái hợp, không có lỗi ly hôn bên phía người hưởng đặc ân. Cả hai phối ngẫu phải cam kết việc giữ đạo. Đặc ân chỉ ban cho một lần và cuối cùng không có hồ nghi về sự chân thành trở lại đạo.

2. Lịch sử về nguồn gốc đặc ân thánh Phêrô

Nguồn gốc của việc tháo gỡ hôn phối nhờ đặc ân thánh Phêrô giúp chúng ta hiểu rõ hơn về đặc ân này²⁴. Thật vậy, vào những năm 1924 đến năm 1967, các triều đại Giáo Hoàng Rôma đã can thiệp vào việc tháo gỡ những dây hôn phối hợp pháp

²⁰ Cũng như trong các vùng của Ấn Độ, bởi vì những điều kiện cho phép này đã được các ĐGH Phaolô III và Piô V đồng ý cho hai vùng của Ấn Độ.

²¹ Cf. René METZ, « Dissolution du mariage dans l'Eglise catholique du Concile de Trente (exclu) à la veille de Vatican II (1564 - 1969) », in *RDC*, 38, 1988, p.123.

²² Hôn nhân tự nhiên, hợp pháp.

²³ Hôn nhân có phép chuẩn.

²⁴Cf. Urbano NAVARRETE, *Dissertationes. De termino «privilegium petrinum non adhibendo»*, in *Periodica*, Tome LIII, 1964, p.323-373.

hoặc hôn nhân không Bí tích²⁵ cho những người kháng cáo lên Tòa Thánh để xin tháo gỡ dây hôn phối của họ. Ví dụ, trong năm 1924, ĐGH Piô XI tháo gỡ ba hôn nhân không Bí tích mặc dù bên phía không Công giáo đệ đơn xin hưởng đặc ân, đã không bày tỏ ý định trở lại Công giáo. Tiếp theo là những hôn nhân hợp pháp được giải quyết, nhưng chỉ đề cập đến việc giải quyết hôn nhân tự nhiên không Bí tích (*pro gratia dissolutionis vinculi naturalis*). Tuy nhiên, trong việc cứu xét tháo gỡ những hôn nhân này, Giáo Hội luôn luôn chú trọng đến tính pháp lý trong khi đó đòi hỏi tự do theo luật và phong tục nhưng không có trách nhiệm về lý dị.

Ngày 01/05/1935, Bộ Giáo Lý Đức Tin ban hành những nguyên tắc Sub secreto để giúp những Tòa án Hôn phối chuẩn bị những hồ sơ về việc tháo gỡ hôn nhân. Ngày 03/10/1941, ĐGH Piô XII, trong bài diễn văn của mình gửi cho Tòa Thượng thẩm Rôma, chỉ dạy rằng «hôn nhân thành nhận (*ratum*) và hoàn hợp (*consummatum*) là thiên luật, nên không thể tháo gỡ được bởi sức mạnh nào của con người, trong khi đó, những hôn nhân khác, mặc dù không thể phân chia tự bản chất, nhưng không phải không phân chia tuyệt đối, nhưng đã đưa ra vài điều kiện thích ứng cần thiết, có thể được tháo gỡ²⁶- đặc ân thánh Phêrô - bởi Tòa Thánh, xét theo năng quyền sứ vụ của mình»²⁷. Cũng vậy, năm 1947, Tòa Thánh đã cho tháo gỡ hôn phối đã ký kết với phép chuẩn²⁸.

Trong khi ĐGH Gioan XXIII tiếp tục cho tháo gỡ hôn nhân của những người không chịu phép Rửa tội vì lợi ích của những người không Công giáo ước muốn kết hôn với một bên Công giáo, thì đến thời ĐGH Phaolô VI việc tháo gỡ những hôn nhân nhờ đặc ân đức tin từ năm 1967 đến năm 1972 chậm lại. Quả thật, «năm 1970, chúng ta thấy việc thực hành này đột nhiên ngưng lại: Bộ Giáo Lý Đức Tin dường như không lượng giá đủ việc thực hành này dựa trên nền tảng thần học»²⁹. Tuy nhiên, **Bộ Giáo Lý Đức Tin đã ban hành, 06/12/1973, cuốn «hướng dẫn tháo gỡ hôn nhân nhờ đặc ân đức tin», kèm theo những nguyên tắc cụ thể và thủ tục tiến trình này**³⁰.

²⁵ Cf. René METZ, «Dissolution du mariage dans l'Eglise catholique du Concile de Trente (exclu) à la veille de Vatican II (1564-1696)», in *RDC*, 38, 1988, trg.124-125: «Trong năm 1924, ĐGH Piô XI ra quyết định về đề nghị của Tòa Thánh liên quan đến việc miễn chuẩn tháo gỡ cho hôn nhân được ký kết giữa một người không chịu phép Rửa Tội và một kitô hữu không Công Giáo. Mười năm sau, Tòa Thánh Rôma đồng ý việc tháo gỡ cho hôn nhân với phép chuẩn giữa một bên không chịu phép Rửa Tội và một bên Rửa tội Công giáo đã đổ vỡ. Cách giải quyết này trái ngược trực tiếp với những quy định trong điều 1120 của Bộ Giáo Luật 1917. Từ năm 1950, những miễn chuẩn tháo gỡ được ban cho những hôn nhân giữa hai người không chịu phép Rửa tội, ngay cả một trong hai phối ngẫu không nhận phép Rửa Tội. Tất cả những miễn chuẩn này được ban cho nhờ đặc ân đức tin (*in favorem fidei*), hoặc nói một cách rõ ràng hơn, vì ơn cứu độ con người (*salus animarum*). Rõ ràng phạm vi này không còn trong nằm trong phạm vi riêng của đặc ân thánh Phaolô; Bởi vậy, nhiều tác giả dùng tên gọi nhiều ít thích hợp gán cho từ “đặc ân thánh Phêrô” hoặc đặc ân đức tin (*x. A. Bride, Le pouvoir du souverain pontife sur le mariage des infidèles, in Revue de droit canonique, 10-11, 1960-1961, p. 58; 74-91*)».

²⁶ Trường hợp này rất hiếm.

²⁷ Cf. AAS 33, 1941, trg. 421-426.

²⁸ Giữa một bên Công giáo và một bên không chịu phép Rửa tội.

²⁹ Peter HUIZING, “Le droit ecclesial et la dissolution du mariage”, in *Concilium* 87, 09/1973, trg. 16.

³⁰Link:http://www.vatican.va/roman_curia/congregations/cfaith/documents/rc_con_cfaith_doc_19731206_dissolutio nis-vinculi_lt.html

Kể từ khi phát thảo BGL/83, vấn đề này được đề cập trong điều 1104, đề cập chính xác hơn về đặc ân này, nhưng bản thảo đã rút khỏi sơ đồ cuối cùng. Để bổ sung cho những điều còn thiếu trong BGL/83, **Bộ Giáo Lý Đức Tin ban hành «những nguyên tắc mới để hướng dẫn thủ tục tháo gỡ dây hôn phối nhờ đặc ân đức tin» với tựa đề *Potestas Ecclesiae*, 30/04/2001.**

Do đó, có thể nói rằng đặc ân thánh Phêrô được tóm lược, trong một vài ngoại trừ, vào việc tháo gỡ những hôn nhân không Bí tích hoặc hôn nhân có phép chuẩn khác đạo «nhờ đặc ân đức tin». Những việc tháo gỡ này có thể được hiểu như là những miễn chuẩn dây hôn phối trước để cho phép thành sự hôn nhân sau. Với hôn nhân sau này, ít nhất, đức tin được một trong hai bên hưởng nhờ.

3. Bản tham chiếu những trường hợp hôn nhân khác nhau theo Huấn thị *Potestas Ecclesiae*³¹ (30/04/2001)

Huấn thị *Potestas Ecclesia* đề cập đến nhiều trường hợp hôn nhân trong một điều khoản; bởi vậy, nên đọc đi đọc lại kỹ lưỡng và nghiền gẫm phần thứ nhất của huấn thị này để tách biệt những trường hợp riêng. Xem tờ riêng.

4. Thủ tục xin đặc ân

Thủ tục xin đặc ân thánh Phêrô được thực hiện trong Giáo phận do những người chuyên trách được Đức Giám mục bổ nhiệm hoặc Tòa án hôn phối của Giáo phận đó. Đặc ân thánh Phêrô đòi hỏi điều tra cẩn thận, kỹ lưỡng để xác định người lương chưa chịu phép Rửa tội. Hồ sơ sẽ được gửi đến Tòa Thánh xét cứu qua Bộ Giáo Lý Đức Tin. Tất cả các giấy tờ trong Hồ sơ này đều được dịch ra ngôn ngữ được Tòa Thánh chấp nhận, như tiếng La tinh, Anh, Pháp, Đức,... và được ký xác nhận của Giám mục Bản quyền. Những chỉ dẫn trong huấn thị *Potestas Ecclesiae* nói rất rõ về thủ tục xin đặc ân này. Những thủ tục quy định xin đặc ân đức tin được đề cập rất rõ trong phần hai của huấn thị *Potestas Ecclesiae*.

Ghi nhận rằng ở các nước thuộc Bộ Truyền Giáo nói chung, Việt Nam nói riêng, việc xin đặc ân thánh Phêrô rất nhiều, nhưng hầu như khó thực hiện được, vì không chỉ thủ tục nhiều, mà còn rào cản ngoại ngữ. Trong khi đó ở các nước Phương Tây thì rất ít, vì hầu như mọi người đều được Rửa tội, nên ít có hôn nhân tự nhiên và hôn nhân có phép chuẩn, nhưng không ngoại trừ, khi dân nhập cư ngày càng đông vào Lục địa già này, và dân số người Hồi giáo càng tăng, việc xin đặc ân thánh Phêrô dự báo sẽ có chiều hướng tăng lên.

Kết luận

Đặc ân thánh Phaolô và đặc ân thánh Phêrô được gọi là đặc ân đức tin. Đặc ân đức tin được hiểu theo một nghĩa riêng của một đặc ân được Tòa Thánh xác

³¹ Cách phân chia từng trường hợp sau đây dựa theo tài liệu của Tòa án Hôn phối liên Giáo phận Marseilles, Pháp quốc. Tuy nhiên, có một vài sắp xếp theo tác giả để dễ dàng quan sát, nắm bắt và dễ hiểu.

định chính thức và chỉ có Giáo Hoàng mới có thể tháo gỡ hôn nhân khi ban đặc ân này qua Bộ Giáo Lý Đức Tin.

Nội dung của huấn thị *Potestas Ecclesiae*, được trình bày trong phần giới thiệu là «*để thích nghi với vài quy định trong Luật mới do Bộ Giáo Luật 1983 và Bộ Giáo Luật Giáo Hội Đông Phương 1990*». Song song với sự thích nghi này, chúng ta ghi nhận rằng thuật ngữ «đặc ân thánh Phêrô» không phải luôn luôn là từ ngữ được dùng chính thức trong bản văn của Tòa Thánh. Khả năng tháo gỡ hôn nhân nhờ đặc ân đức tin, quả thật, là một năng quyền của Tòa Thánh. Đây không phải là năng quyền riêng của ĐGH. Sự cần thiết để cứu rỗi các linh hồn được đặt nền tảng trên năng quyền này. Bởi vì «*ngày Sabbat được làm ra vì con người, chứ không phải con người làm ra ngày Sabbat*»³². Hơn nữa, luật tối thượng vì ơn cứu rỗi con người³³ và Giáo Hội không ngừng thực thi quyền tối thượng của mình.

Hiểu rõ đặc ân thánh Phaolô và thánh Phêrô giúp cho các Linh mục Quản xứ thấy được những hình thức hôn nhân khác nhau: Hôn nhân giữa hai người được Rửa tội (hôn nhân Bí tích); Hôn nhân giữa hai người lương hoặc một bên Công giáo và một bên lương (hôn nhân không Bí tích). Xét xem hôn nhân giữa hai người Công giáo thành sự hay không thuộc thẩm quyền của Tòa án hôn phối Giáo phận. Những nỗ lực hôn phối không Bí tích thuộc quyền của Tòa Thánh qua Bộ Giáo Lý Đức tin.

Do đó, vấn đề đặt ra là làm sao để chuẩn bị tốt cho những đôi hôn phối xin phép chuẩn, chứ không phải làm cho nhanh cho có, nhất là việc có bầu trước để rồi những đôi vợ chồng này đỡ vất vả không lâu sau ngày cưới. Bên cạnh đó, yếu tố đức tin rất quan trọng và Linh mục Quản xứ phải giúp người lương tìm hiểu, học hỏi kỹ lưỡng mỗi khi họ muốn trở lại đạo để được hưởng đặc ân đức tin, bởi vì như Huấn thị *Potestas Ecclesiae* chỉ dẫn, hôn nhân trước có thể được tháo gỡ nhờ đặc ân đức tin (*in favorem fidei*).

(Tĩnh tâm năm Linh mục đoàn Tổng Giáo phận Huế,

La Vang, 18/11/2021)

³² Mc 2, 27.

³³ Cf. BGL/83, đ.1752.